

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

Số: 33/NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 13 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ nguồn vốn chi thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau sắp xếp)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 4 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-

BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 778/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 của các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (giai đoạn I đến năm 2025) trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2025 sau sắp xếp;

Xét Tờ trình số 0303/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phân bổ nguồn vốn chi thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2025 (sau sắp xếp) (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 121/BC-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ nguồn vốn chi thường xuyên năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau sắp xếp), với số tiền 55.443 triệu đồng; trong đó, ngân sách trung ương 50.201 triệu đồng, ngân sách địa phương đối ứng 5.242 triệu đồng (*Kèm theo phụ lục*).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2025. Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2025 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiều

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

Phân bổ nguồn vốn chi thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau sắp xếp)

(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó				Dự toán điều chỉnh				Tổng dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Trong đó		Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)		Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)		Tăng (+)		Giảm (-)					Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		
				NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP							
A	B	C	$I=2+3+4+5$	2	3	4	5	6	7	8	9	$10=11+12$	11	12	13	14	15	16	17		
	TỔNG SỐ		37.288	33.697	3.591	-	-	22.709	3.591	(22.709)	(3.591)	55.443	50.201	5.242	1.330	5.056	1.435	43.990	3.632		
A	DỰ TOÁN ĐÃ PHÂN BỐ		37.288	33.697	3.591	-	-	22.709	3.591	(22.709)	(3.591)	37.288	33.697	3.591	1.330	5.056	1.435	25.835	3.632		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	10511	1.053	1.053				1.053	-	(1.053)	-	1.053	1.053	-	-	-	-	1.053	-		
-	Huyện U Minh		693	693						(693)										UBND huyện U Minh	
-	Xã Khánh Lâm							480				480	480					480		UBND xã Khánh Lâm	- UBND huyện U Minh đã phân bổ cho các xã (Khánh Lâm 69 trđ, Khánh Hội: 120 trđ, Nguyễn Phích: 291 trđ; Khánh Thuận: 213 trđ); - PA sau sắp xếp: Giảm nguồn đã giao cho Xã Khánh Hội (120 trđ) và xã Nguyễn Phích (291 trđ) để tăng cho Xã Khánh Lâm; giảm nguồn đã giao cho xã Khánh Thuận (213 trđ) để tăng cho xã Nguyễn Phích
-	Xã Nguyễn Phích							213				213	213					213		UBND xã Nguyễn Phích	
-	Huyện Đầm Dơi		229	229						(229)										UBND huyện Đầm Dơi	
-	Xã Thanh Tùng							79				79	79					79		UBND xã Thanh Tùng	- UBND huyện Đầm Dơi đã phân bổ cho các xã (Ngọc Chánh 79 trđ, Quách Phẩm Bắc: 97 trđ, Tân Duyệt: 53 trđ); - PA sau sắp xếp: Phân bổ lại cho các xã Thanh Tùng, Quách Phẩm, Đầm Dơi
-	Xã Quách Phẩm							97				97	97					97		UBND xã Quách Phẩm	
-	Xã Đầm Dơi							53				53	53					53		UBND xã Đầm Dơi	
-	Huyện Trần Văn Thời		69	69						(69)										UBND huyện Trần Văn Thời	
-	Xã Khánh Bình							39				39	39					39		UBND xã Khánh Bình	- UBND huyện Trần Văn Thời đã phân bổ cho các xã (Khánh Bình Đông 39 trđ, Khánh Bình Tây Bắc: 30 trđ); - PA sau sắp xếp: Phân bổ lại cho các xã Khánh Bình, Đá Bạc
-	Xã Đá Bạc							30				30	30					30		UBND xã Đá Bạc	
-	Huyện Phú Tân		56	56						(56)										UBND huyện Phú Tân	

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó				Dự toán điều chỉnh				Tổng dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Trong đó		Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)		Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)		Tăng (+)		Giảm (-)					Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		
				NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP							
A	B	C	$I=2+3+4+5$	2	3	4	5	6	7	8	9	$10=11+12$	11	12	13	14	15	16	17		
-	Xã Cái Đôi Vàm							56				56	56					56		UBND xã Cái Đôi Vàm	
-	Huyện Cái Nước		6	6						(6)										UBND huyện Cái Nước	
-	Xã Cái Nước							6				6	6					6		UBND xã Cái Nước	
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	10513	5.615	5.615				5.110		(5.110)		5.615	5.615					5.615			
1	Tiểu dự án 2 "Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và miền núi"		5.615	5.615				5.110		(5.110)		5.615	5.615					5.615			
1.1	Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị		5.110	5.110				5.110		(5.110)		5.110	5.110					5.110			
-	Huyện U Minh		1.331	1.331						(1.331)		-								UBND huyện U Minh	- UBND huyện U Minh đã phân bổ cho các xã (Khánh Lâm 400 trđ, Khánh Hội: 61 trđ, Nguyễn Phích: 470 trđ; Khánh Thuận: 300 trđ, Khánh Hòa: 100 trđ);
-	Xã Khánh Lâm							931				931	931					931		UBND xã Khánh Lâm	- PA sau sắp xếp: Giảm nguồn đã giao cho xã Khánh Hội (61 trđ) và xã Nguyễn Phích (170 trđ), xã Khánh Thuận (300 trđ) để bổ sung cho xã Khánh Lâm; giảm nguồn đã giao cho xã Khánh Hòa (100 trđ) để bổ sung cho xã U Minh
-	Xã Nguyễn Phích							300				300	300					300		UBND xã Nguyễn Phích	
-	Xã U Minh							100				100	100					100		UBND xã U Minh	
-	Huyện Đầm Dơi		1.959	1.959						(1.959)		-								UBND huyện Đầm Dơi	- UBND huyện Đầm Dơi đã phân bổ cho các xã (Ngọc Chánh 654,8 trđ, Quách Phẩm Bắc: 1.091,5 trđ, Tân Duyệt: 212,7 trđ);
-	Xã Thanh Tùng							654,8				654,8	654,8					654,8		UBND xã Thanh Tùng	- PA sau sắp xếp: Phân bổ lại cho các xã Thanh Tùng, Quách Phẩm, Đầm Dơi
-	Xã Quách Phẩm							1.091,5				1.091,5	1.091,5					1.091,5		UBND xã Quách Phẩm	
-	Xã Đầm Dơi							212,7				212,7	212,7					212,7		UBND xã Đầm Dơi	
-	Huyện Thới Bình		490	490						(490)		-								UBND huyện Thới Bình	
-	Xã Biển Bạch							120				120	120					120		UBND xã Biển Bạch	
-	Không phân bổ							370				370	370					370			Không phân bổ do hết đối tượng
-	Huyện Trần Văn Thời		840	840						(840)		-								UBND huyện Trần Văn Thời	

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó				Dự toán điều chỉnh				Tổng dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Trong đó		Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)		Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)		Tăng (+)		Giảm (-)					Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		
				NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP							
A	B	C	$I=2+3+4+5$	2	3	4	5	6	7	8	9	$10=11+12$	11	12	13	14	15	16	17		
-	Không phân bổ							840				840	840					840			Không phân bổ do hết đối tượng
-	Huyện Phú Tân		280	280						(280)		-								UBND huyện Phú Tân	- UBND huyện Phú Tân đã phân bổ cho các xã Nguyễn Việt Khái;
-	Xã Cái Đôi Vàm							280				280	280					280		UBND xã Cái Đôi Vàm	- PA sau sắp xếp: Phân bổ lại cho các xã Cái Đôi Vàm
-	Huyện Cái Nước		70	70						(70)		-								UBND huyện Cái Nước	
-	Xã Cái Nước							70				70	70					70		UBND xã Cái Nước	
-	Huyện Năm Căn		140	140						(140)		-								UBND huyện Năm Căn	
-	Xã Đất Mới							140				140	140					140		UBND xã Đất Mới	
1.2	Nội dung số 02 thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3 “Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS”		505	505								505	505					505			
-	Sở Dân tộc và Tôn giáo		505	505								505	505					505		Sở Dân tộc và Tôn giáo	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	10514/20514	18.702	15.111	3.591			15.111	3.591	(15.111)	(3.591)	18.702	15.111	3.591				18.702			
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS		18.702	15.111	3.591			15.111	3.591	(15.111)	(3.591)	18.702	15.111	3.591				18.702			
-	Huyện U Minh		4.767	3.846	921					(3.846)	(921)	-								UBND huyện U Minh	
-	Xã Khánh Lâm							1.751	506			2.257	1.751	506				2.257		UBND xã Khánh Lâm	- UBND huyện U Minh đã phân bổ cho các xã (Khánh Lâm NSTW: 1.220 trđ, NSDP: 297 trđ; Khánh Hội: NSTW: 433 trđ, NSDP: 103 trđ; Nguyễn Phích: NSTW: 866 trđ, NSDP: 206 trđ; Khánh Hòa: NSTW: 217 trđ, NSDP: 51 trđ, Khánh Thuận: NSTW: 1.110 trđ, NSDP: 264 trđ);
-	Xã Nguyễn Phích							1.110	264			1.374	1.110	264				1.340		UBND xã Nguyễn Phích	
-	Xã U Minh							717	151			868	717	151				902		UBND xã U Minh	- PA sau sắp xếp: Giảm nguồn đã giao cho xã Khánh Hội (NSTW: 433 trđ, NSDP: 103 trđ) và xã Khánh Thuận (NSTW: 125 trđ, NSDP: 113 trđ), để bổ sung cho xã Khánh Lâm;

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó				Dự toán điều chỉnh				Tổng dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Trong đó		Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)		Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)		Tăng (+)		Giảm (-)					Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		
				NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP							
A	B	C	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 11+12	11	12	13	14	15	16	17		
-	Xã Khánh An							268				268	268					268		UBND xã Khánh An	giảm nguồn đã giao cho xã Khánh Hòa (NSTW: 217 trđ, NSDP: 51 trđ) để bổ sung cho xã Nguyễn Phích; giảm nguồn đã giao cho xã Khánh Thuận (NSTW: 985 trđ; NSDP: 151 trđ) để bổ sung cho xã U Minh và Xã Khánh An
-	Huyện Đầm Dơi		6.967	5.630	1.337					(5.630)	(1.337)	-								UBND huyện Đầm Dơi	
-	Xã Thanh Tùng							2.339	556			2.895	2.339	556				2.895		UBND xã Thanh Tùng	- UBND huyện Đầm Dơi đã phân bổ cho các xã (Thanh Tùng NSTW:1.231 trđ, NSDP: 293 trđ; Ngọc Chanh: NSTW: 1.108 trđ, NSDP: 263 trđ; Quách Phẩm Bắc: NSTW: 1.125 trđ, NSDP: 267 trđ; Quách Phẩm: NSTW: 217 trđ, NSDP: 51 trđ, Nguyễn Huân: NSTW: 433 trđ, NSDP: 103 trđ; Tân Thuận NSTW: 433 trđ, NSDP: 103 trđ; Trần Phán NSTWW 433 trđ, NSDP: 103 trđ; Tân Duyệt NSTW: 650 trđ, NSDP: 154 trđ);
-	Xã Quách Phẩm							1.342	318			1.660	1.342	318				1.660		UBND xã Quách Phẩm	- PA sau sắp xếp:giao lại cho các xã Thanh Tùng, Quách Phẩm, Nguyễn Huân, Tân Thuận, Trần
-	Xã Tân Tiến							433	103			536	433	103				536		UBND xã Tân Tiến	
-	Xã Tân Thuận							433	103			536	433	103				536		UBNND xã Tân Thuận	
-	Xã Trần Phán							433	103			536	433	103				536		UBNND xã Trần Phán	
-	Xã Đầm Dơi							650	154			804	650	154				804		UBNND xã Đầm Dơi	
-	Huyện Thới Bình		1.876	1.518	358					(1.518)	(358)	-								UBND huyện Thới Bình	
-	Xã Thới Bình							217	51			268	217	51				268		UBNND xã Thới Bình	- UBND huyện Thới Bình đã phân bổ cho các xã (Thới Bình NSTW:217 trđ, NSDP: 51 trđ; Tân Lộc: NSTW: 217 trđ, NSDP: 51 trđ; Tân Lộc Bắc: NSTW: 217 trđ, NSDP: 51 trđ; Tân Phú: NSTW: 433 trđ, NSDP: 103 trđ, Hồ Thị Kỳ: NSTW: 217 trđ, NSDP: 51 trđ; Biển Bạch NSTW: 217 trđ, NSDP: 51 trđ);
-	Xã Tân Lộc							434	102			536	434	102				536		UBNND xã Tân Lộc	- PA sau sắp xếp:giao lại cho các xã Thới Bình, Tân Lộc, Trí Phái, Hồ Thị Kỳ, Biển Bạch)
-	Xã Trí Phái							433	103			536	433	103				536		UBNND xã Trí Phái	
-	Xã Hồ Thị Kỳ							217	51			268	217	51				268		UBNND xã Hồ Thị Kỳ	
-	Xã Biển Bạch							217	51			268	217	51				268		UBNND xã Biển Bạch	
-	Huyện Trần Văn Thời		3.216	2.599	617					(2.599)	(617)	-								UBND huyện Trần Văn Thời	
-	Xã Đá Bạc							1.083	257			1.340	1.083	257				1.340		UBNND xã Đá Bạc	- UBND huyện Trần Văn Thời đã phân bổ cho các xã (Khánh Bình Tây Bắc NSTW:650 trđ, NSDP: 154 trđ; Khánh Bình Tây: NSTW: 433 trđ, NSDP: 103 trđ; Khánh Bình Đông:
-	Xã Khánh Bình							866	206			1.072	866	206				1.072		UBNND xã Khánh Bình	

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó				Dự toán điều chỉnh				Tổng dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Trong đó		Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)		Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)		Tăng (+)		Giảm (-)					Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		
				NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP							
A	B	C	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 11+12	11	12	13	14	15	16	17		
-	Xã Khánh Hưng							433	103			536	433	103				536		UBNDND xã Khánh Hưng	NSTW: 866 trđ, NSDP: 206 trđ, Khánh Hưng: NSTW: 433 trđ, NSDP: 103 trđ, Trần Văn Thới: NSTW: 217 trđ, NSDP: 51 trđ); - PA sau sắp xếp:giao lại cho các xã Đá Bạc, Khánh Bình, Khánh Hưng, Trần Văn Thới
-	Xã Trần Văn Thới							217	51			268	217	51				268		UBNDND xã Trần Văn Thới	
-	Huyện Phú Tân		1.072	867	205					(867)	(205)	-								UBND huyện Phú Tân	
-	Xã Cái Đôi Vàm							867	205			1.072	867	205				1.072		UBNDND xã Cái Đôi Vàm	- UBND huyện Phú Tân đã phân bổ cho các xã (Cái Đôi Vàm NSTW: 217 trđ, NSDP: 51 trđ, Nguyễn Việt Khái: NSTW: 650 trđ, NSDP: 154 trđ); - PA sau sắp xếp:giao lại cho các xã Cái Đôi Vàm
-	Huyện Cái Nước		268	217	51					(217)	(51)	-								UBND huyện Cái Nước	
-	Xã Cái Nước							217	51			268	217	51				268		UBNDND xã Cái Nước	
-	Huyện Năm Căn		536	434	102					(434)	(102)	-								UBND huyện Năm Căn	
-	Xã Đất Mới							434	102			536	434	102				536		UBND xã Đất Mới	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	10515	1.330	1.330								1.330	1.330		1.330						
1	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS		1.330	1.330								1.330	1.330		1.330						
-	Sở Giáo dục và Đào tạo		1.330	1.330								1.330	1.330		1.330					Sở Giáo dục và Đào tạo	
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	10516	3.206	3.206								3.206	3.206			3.206					
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		2.757	2.757								2.757	2.757			2.757				Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
2	Sở Dân tộc và Tôn giáo		449	449								449	449			449				Sở Dân tộc và Tôn giáo	
VI	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	10517	1.435	1.435				1.435		(1.435)		1.435	1.435				1.435			Sở Y tế thực hiện	
-	Huyện U Minh		542	542						(542)		-								Phối hợp thực hiện	
-	Trung tâm Y tế khu vực U Minh							542				542	542				542			Sở Y tế	
-	Huyện Đầm Dơi		812	812						(812)		-								Phối hợp thực hiện	
-	Trung tâm Y tế khu vực Đầm Dơi							812				812	812				812			Sở Y tế	

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó				Dự toán điều chỉnh				Tổng dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Trong đó		Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)		Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)		Tăng (+)		Giảm (-)					Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		
				NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP							
A	B	C	$I=2+3+4+5$	2	3	4	5	6	7	8	9	$10=11+12$	11	12	13	14	15	16	17		
-	Thành phố Cà Mau		81	81						(81)		-								Phối hợp thực hiện	
-	Trung tâm Y tế khu vực Cà Mau							81				81	81				81			Sở Y tế	
VII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	10518	3.632	3.632								3.632	3.632						3.632		
-	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh		3.632	3.632								3.632	3.632						3.632	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	
VIII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	10521	2.315	2.315								2.315	2.315			1.850		465			
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình		800	800								800	800			800					
-	Sở Dân tộc và Tôn giáo		800	800								800	800			800				Sở Dân tộc và Tôn giáo	
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS		1.050	1.050								1.050	1.050			1.050					
-	Sở Khoa học và Công nghệ		525	525								525	525			525				Sở Khoa học và Công nghệ	
-	Sở Dân tộc và Tôn giáo		525	525								525	525			525				Sở Dân tộc và Tôn giáo	
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình		465	465								465	465					465			
-	Sở Dân tộc và Tôn giáo		465	465								465	465					465		Sở Dân tộc và Tôn giáo	
B	DỰ TOÁN CHƯA PHÂN BỐ											18.155	16.504	1.651				18.155			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	10514/20514										18.155	16.504	1.651				18.155			

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó				Dự toán điều chỉnh				Tổng dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Trong đó		Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)		Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)		Tăng (+)		Giảm (-)					Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		
				NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP							
A	B	C	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 11+12	11	12	13	14	15	16	17		
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số											18.155	16.504	1.651				18.155			
-	Xã Khánh Lâm											1.441	1.310	131				1.441		UBND xã Khánh Lâm	
-	Xã U Minh											865	786	79				865		UBND xã U Minh	
-	Xã Khánh An											288	262	26				288		UBND xã Khánh An	
-	Xã Nguyễn Phích											1.441	1.310	131				1.441		UBND xã Nguyễn Phích	
-	Xã Thanh Tùng											2.883	2.618	265				2.883		UBND xã Thanh Tùng	
-	Xã Quách Phẩm											1.441	1.310	131				1.441		UBND xã Quách Phẩm	
-	Xã Tân Tiến											576	524	52				576		UBND xã Tân Tiến	
-	Xã Tân Thuận											576	524	52				576		UBND xã Tân Thuận	
-	Xã Trần Phán											576	524	52				576		UBND xã Trần Phán	
-	Xã Đầm Dơi											865	786	79				865		UBND xã Đầm Dơi	
-	Xã Thới Bình											288	262	26				288		UBND xã Thới Bình	
-	Xã Tân Lộc											576	524	52				576		UBND xã Tân Lộc	
-	Xã Trí Phải											576	524	52				576		UBND xã Trí Phải	
-	Xã Hồ Thị Kỳ											288	262	26				288		UBND xã Hồ Thị Kỳ	
-	Xã Biển Bạch											288	262	26				288		UBND xã Biển Bạch	
-	Xã Đá Bạc											1.153	1.048	105				1.153		UBND xã Đá Bạc	
-	Xã Khánh Bình											1.153	1.048	105				1.153		UBND xã Khánh Bình	
-	Xã Khánh Hưng											576	524	52				576		UBND xã Khánh Hưng	
-	Xã Trần Văn Thời											288	262	26				288		UBND xã Trần Văn Thời	
-	Xã Cái Đôi Vàm											1.153	1.048	105				1.153		UBND xã Cái Đôi Vàm	
-	Xã Cái Nước											288	262	26				288		UBND xã Cái Nước	
-	Xã Năm Căn											288	262	26				288		UBND xã Năm Căn	
-	Xã Đất Mới											288	262	26				288		UBND xã Đất Mới	

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó				Dự toán điều chỉnh				Tổng dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Trong đó		Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)		Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)		Tăng (+)		Giảm (-)					Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		
				NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP							
A	B	C	$l=2+3+4+5$	2	3	4	5	6	7	8	9	$10 = 11+12$	11	12	13	14	15	16	17		